

Số: 464 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 3 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực điện, điện lực, an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương: Số 623/QĐ-BCT ngày 06/3/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực điện lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 628/QĐ-BCT ngày 07/3/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện, điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 592/TTr-SCT ngày 20/3/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong các lĩnh vực điện, điện lực, an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

#### 1. Sở Công Thương

a) Cập nhập và công khai dữ liệu các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở, niêm yết công khai tại cơ quan; xây dựng, gửi nội dung cụ thể của TTHC được công bố đến Sở Khoa học và Công nghệ để thiết lập lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC và tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; **hoàn thành trước ngày 07/4/2025.**

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này đăng tải công khai nội dung cụ thể của TTHC được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định.

3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã: Thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung cụ thể từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương; thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố và phê duyệt tại các Quyết định số: 1739/QĐ-UBND ngày 08/11/2021, 1744/QĐ-UBND ngày 08/11/2021, 487/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 không được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC<sub>(htd)</sub>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Phước Hiền**



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỰC MỜI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN,**  
**ĐIỆN LỰC, AN TOÀN ĐẬP HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**

**SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Công bố kèm theo Quyết định số 464 /QĐ-UBND ngày 26 /3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm, cách thức thực hiện   | Phí, lệ phí                      | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|----------------------------------|---|
| 1   | Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh      | 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau:<br>- Trực tiếp.<br>- Qua dịch vụ bưu | Phí thẩm định:<br>2.100.000 đồng | - Luật Điện lực số 61/2024/QH15<br>- Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. |
| 2   | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   | Phí thẩm định:<br>800.000 đồng   |   |
| 3   | Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  | 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   | Không quy định                   |   |

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm, cách thức thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|----------------|
| 4   | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh   | 14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | chính.<br>- Trực tuyến tại địa chỉ:<br><a href="https://dichvucong.quangngai.gov.vn/">https://dichvucong.quangngai.gov.vn/</a> ;<br><a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> . | Phí thẩm định:<br>700.000 đồng   |                |
| 5   | Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) | 10 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   | Phí thẩm định:<br>- Hoạt động phát điện: 2.100.000 đồng<br>- Hoạt động phân phối điện: 800.000 đồng<br>- Hoạt động bán lẻ điện: 700.000 đồng |                |
| 6   | Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  | 10 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   | Phí thẩm định:<br>- Hoạt động phát điện: 2.100.000 đồng<br>- Hoạt động phân phối điện: 800.000 đồng<br>- Hoạt động bán lẻ điện: 700.000 đồng |                |



| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm, cách thức thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|-------------------------------|--|----------------|
| 7   | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                               | 10 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |                               | Phí thẩm định:<br>- Hoạt động phát điện: 1.050.000 đồng<br>- Hoạt động phân phối điện: 400.000 đồng<br>- Hoạt động bán lẻ điện: 350.000 đồng |                |
| 8   | Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng | 10 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |                               | Phí thẩm định:<br>- Hoạt động phát điện: 2.100.000 đồng<br>- Hoạt động phân phối điện: 800.000 đồng<br>- Hoạt động bán lẻ điện: 700.000 đồng |                |

| STT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm, cách thức thực hiện | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|-------------------------------|----------------|---|
| 9   | Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh   | 10 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |                               | Không thu phí  |   |
| 10  | Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |  |                               |                |   |
| 11  | Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh           | 25 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |                               | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực số 61/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.</li> </ul> |
| 12  | Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                     |  |                               |                |   |



## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm, cách thức thực hiện   | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|---|----------------|---|
| 1   | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện              | 30 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   |                |   |
| 2   | Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện                        | 30 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện thông qua các cách thức sau:<br>- Trực tiếp.<br>- Qua dịch vụ bưu chính. | Không quy định | - Luật Điện lực số 61/2024/QH15.<br>- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. |
| 3   | Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện | 25 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   |                |   |
| 4   | Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện           | 25 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | - Trực tuyến tại địa chỉ:<br><a href="https://dichvucong.quangngai.gov.vn/">https://dichvucong.quangngai.gov.vn/</a>                                      |                |   |
| 5   | Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện                     | 25 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ |   |                |   |

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

| STT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính  | Địa điểm, cách thức thực hiện  | Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung   | Ghi chú  |
|-----|--------------------------|---|--|---|--|
| 1   | 2.001322                 | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau:<br>- Trực tiếp.<br>- Qua dịch vụ bưu chính.<br>- Trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.quangngai.gov.vn/">https://dichvucong.quangngai.gov.vn/</a> ;<br><a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> . | - Luật Điện lực số 61/2024/QH15.<br>- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ | - Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC.<br>- Bổ sung trình tự thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.<br>- Bổ sung thành phần, số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ. |
| 2   | 2.001292                 | Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh           |  | - Luật Điện lực số 61/2024/QH15.<br>- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ | - Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC.<br>- Bổ sung trình tự thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.<br>- Bổ sung thành phần, số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ. |



|   |          |  |  |  |   |
|---|----------|--|--|--|---|
|   |          |  |  |  | Chính phủ.  |
|   |          | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC.</li> <li>- Bổ sung trình tự thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.</li> <li>- Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 3 | 2.001300 |  |  |  |   |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

| STT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính  | Địa điểm, cách thực hiện   | Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung  | Ghi chú   |
|-----|--------------------------|---|--|--|---|
| 1   | 1.000473                 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện | <p>Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện thông qua các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.quangn">https://dichvucong.quangn</a></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực số 61/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC</li> <li>- Bổ sung trình tự thực hiện thủ tục hành chính được quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.</li> <li>- Bổ sung thành phần, số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục</li> </ul> |

|  |             |                                     |   |
|--|-------------|-------------------------------------|---|
|  | gai.gov.vn/ | và an toàn trong lĩnh vực điện lực. | hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ. |
|--|-------------|-------------------------------------|---|

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ

| TT   | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính  | Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính  |
|--|--------------------------|---|---|
| <b>I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG</b> |                          |   |   |
| 1  | 2.001561                 | Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực số 61/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.</li> </ul> |
| 2  | 2.001632                 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương   |   |
| 3  | 2.001617                 | Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương |   |
| 4  | 2.001549                 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương     |   |
| 5  | 2.001249                 | Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương                              |   |
| 6  | 2.001724                 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương             |   |



|    |          |  |   |
|----|----------|--|---|
| 7  | 2.001535 | Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương   |   |
| 8  | 2.001266 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương  |   |
| 9  | 2.000621 | Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện   | - Luật Điện lực số 61/2024/QH15.  |
| 10 | 2.000643 | Cấp lại thẻ an toàn điện   | - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.  |
| 11 | 2.000638 | Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện  |   |
| 12 | 2.001640 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)                     |   |
| 13 | 2.001607 | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)                 | - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/ 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. |
| 14 | 2.001587 | Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) |   |

| <b>II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ</b> |          |  |
|--|----------|--|
| 1  | 2.000184 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã                               |
|  |          | - Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. |